

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 136/2024/HS-ST
Ngày 24 tháng 12 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Triển

Ông Phan Duy Lục

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Chu Văn V**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2004; Trú tại: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn Đ sinh năm 1960 (đã chết); con bà: Trần Thị L sinh năm 1966; Vợ, con chưa có;

Tiền án: 01 tiền án, cụ thể: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HSST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, xử phạt Chu Văn V 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (giá trị tài sản là 2.400.000đ) theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, ngày 19/5/2024 Vĩnh chấp chấp hành xong án phạt tù đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/8/2024 đến ngày 30/8/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V có mặt tại phiên toà;

2. **Lê Văn N**, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1995; Trú tại: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T sinh năm 1970 (đã chết); con bà: Trần Thị H sinh năm 1974; Vợ, con chưa có; Tiền án: Không.

- Tiền sự: 01, cụ thể: Ngày 09/6/2023 bị Công an huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 204/QĐ-XPHC về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân bằng hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng. Hiện N chưa chấp hành nộp phạt tiền. Đến nay, N chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Nhân thân: Ngày 26/6/2014 bị Công an huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/QĐ-XPVPHC về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, N chưa thực hiện việc nộp phạt. Tuy nhiên đã quá 02 năm kể từ ngày ra quyết định Công an huyện V chưa thực hiện chưa thực hiện biện pháp nào để đôn đốc, cưỡng chế N thực hiện việc nộp phạt, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định. Do vậy, N chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/8/2024 đến ngày 30/8/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V có mặt tại phiên toà;

3. **Bùi Văn T1**, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1991; Trú tại: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn S, sinh năm 1967; con bà: Chu Thị L1 sinh năm 1969; Vợ: Lê Thị H1 sinh năm 1996 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017);

+ Tại bản án số 91/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt Bùi Văn T1 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” với giá trị tài sản bị xâm hại là 8.325.000 đồng, ngày 30/12/2020 T1 chấp hành xong án phạt tù đến nay chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 102/2021/HSST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt: Bùi Văn T1 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây

thương tích” và 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” với giá trị tài sản bị xâm hại là 210.000đ, T1 phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là 03 năm tù. Ngày 02/02/2024 T1 chấp hành xong án phạt tù đến nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không.

- Nhân thân: + Ngày 06/4/2011, bị Chủ tịch UBND tỉnh V ra Quyết định số 860/QĐ-CT về việc áp dụng biện pháp đưa người vào cơ sở giáo dục về hành vi: Nhiều lần đập phá tài sản của gia đình, ngược đãi cha mẹ, gây rối trật tự công cộng với thời hạn 24 tháng đến ngày 14/3/2013 đã chấp hành xong đến nay đã được xóa tiền sự.

+ Ngày 12/09/2014 bị Công an huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPVPHC về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác với mức phạt tiền 2.000.000 đồng. Ngày 19/9/2014 T1 đã chấp hành nộp phạt tiền đến nay đã được xóa tiền sự.

+ Ngày 30/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 28/QĐ-TA với thời hạn 15 tháng, đến ngày 21/3/2016 đã chấp hành xong, đến nay đã được xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V có mặt tại phiên tòa;

* Người bị hại: Ông Phạm Quang T2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

2. Ông Vũ Văn T3 sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 22/7/2024, Chu Văn V sinh năm 2004 và Lê Văn N sinh năm 1995 đều trú tại thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đi chơi cùng nhau thì V nảy sinh ý định và rủ N đêm ngày 22/7 rạng sáng ngày 23/7/2024 cùng đi tìm nhà dân nào có tài sản để sơ hở thì trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, N đồng ý. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/7/2024, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đen xám, không gắn biển kiểm soát

đến đón V để cùng đi trộm cắp tài sản. V đeo khẩu trang màu trắng, đầu đeo đèn pin và lấy từ trong nhà ra 01 chiếc bao tải xác rắn màu vàng, gài tại giá để hàng phía trước xe của N, rồi V điều khiển xe mô tô chở N ngồi phía sau đi ra đường quốc lộ 2A hướng đi thành phố V, tỉnh Phú Thọ, sau đó rẽ vào đường liên xã L, xã C tìm tài sản sơ hở. Khi đến thôn Đ, xã C, huyện V quan sát thấy bên phải là 01 lán trại chăn nuôi của gia đình ông Nguyễn Quang T4 sinh năm 1974, trú tại thôn Đ, xã C không có ai trông giữ nên N và V bàn bạc với nhau quay lại đột nhập vào lán trại trên để trộm cắp tài sản. V điều khiển xe mô tô đi quay lại dừng xe ở vệ đường rồi xuống xe đi bộ vào trong lán để tìm tài sản còn N đứng cạnh xe mô tô để canh giới. Khi vào bên trong V thấy lán trại chăn nuôi gồm 02 gian, gian đầu tiên để nhiều lồng sắt hình vuông, bên trong 01 lồng sắt có nhốt 01 con gà trống trọng lượng khoảng 2,5 kg, xung quanh lồng sắt này có thả 03 con gà gồm 01 con gà trống trọng lượng khoảng 03kg, 01 con gà mái trọng lượng khoảng 2,5kg và 01 con gà mái trọng lượng khoảng 02 kg; gian bên cạnh có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu, không gắn biển kiểm soát, không có chìa khóa điện. V quay ra nói với N “*Ở đây có 04 con gà và 01 cái xe*”. Nghe vậy, N cầm chiếc bao tải xác rắn màu vàng đi theo V vào bên trong lán trại. V đi đến lồng sắt bắt lần lượt 04 con gà thả vào bao tải mà N đang giữ miệng bao sẵn. Sau đó N buộc miệng bao tải lại và đi ra trước, để bao tải gà trên giá hàng phía trước xe mô tô rồi dắt xe về phía xã L khoảng 50m rồi đứng đợi V để tránh bị người khác phát hiện. Còn V đi sang gian để xe, dắt chiếc xe mô tô của ông T4 ra ngoài đường, đến vị trí N đang đợi. Do xe mô tô vừa trộm cắp được không nổ máy nên V điều khiển xe mô tô của N, dùng chân đẩy xe mô tô của ông T4 do N điều khiển đi đến nhà Bùi Văn T1, sinh năm 1991 ở thôn M, xã T để bán gà và nhờ cất giấu xe mô tô vừa trộm cắp. Khi đến cổng, V gọi T1 thì T1 đi ra. Tại đây V hỏi T1 “*Bạn em vừa trộm cắp được một chiếc xe và 04 con gà, anh có mua gà không?*” T1 trả lời là “*Có*” và mở cổng để V và N vào trong sân. Khi vào trong sân, T1 hỏi “*Bán bao nhiêu 1 kg gà?*” thì V trả lời: “*120.000 đồng/kg*” T1 đồng ý và đi lấy 01 cân đồng hồ ra để cân gà. Trong lúc cân T1 hỏi “*Lấy trộm ở đâu?*” thì V trả lời “*Trộm ở một nơi xa*”; T1 hỏi lại “*Xa là ở đâu?*” thì N trả lời: “*Xa lắm*” nên T1 không hỏi nữa. Sau khi cân xác định trọng lượng 04 con gà là hơn 10kg, T1 trừ trọng lượng bao bì và trừ hao thì tính tổng trọng lượng là 09kg tương ứng với số tiền 1.080.000 đồng và T1 tính tròn tiền là 1.100.000 đồng. Do lúc này T1 chưa có tiền nên hẹn N và V đến sáng cùng ngày sẽ trả tiền thì N và V đồng

ý. Sau khi cân gà xong, T1 cất 04 con gà vào trong nhà rồi soi đèn để Vĩnh sửa, khởi động xe mô tô vừa trộm cắp được. Do xe vẫn không nổ nên V bảo T1 cho cất giấu chiếc xe mô tô này tại nhà T1 thì T1 đồng ý nên Vĩnh dắt chiếc xe mô tô cất giấu vào khe đầu đốc nhà T1. Sau đó N chở V về nhà V rồi đi về nhà mình ngủ.

Khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, N dậy và điều khiển xe mô tô đến đón V và anh Chu Duy Đ1, sinh năm 1989 ở thôn M, xã T đi ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, N và anh Đ1 đưa V về nhà rồi N nhờ anh Đ1 đi cùng đến nhà T1 để lấy tiền bán gà và đem chiếc xe mô tô trộm cắp được về nhà V (N không nói cho anh Đ1 biết chiếc xe mô tô để tại nhà T1 là do trộm cắp mà có). Lúc này, T1 trả trước cho N số tiền 800.000 đồng và nợ lại 300.000 đồng. N đi đến đầu đốc nhà T1 dắt chiếc xe mô tô rồi ngồi lên điều khiển xe còn Đ1 điều khiển xe mô tô của N dùng chân đẩy N đem xe về cất giấu tại nhà V. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, V đi đến nhà N rủ N đem xe mô tô trộm cắp được đi bán. Sau đó, V điều khiển xe của N dùng chân đẩy xe mô tô trộm cắp được do N điều khiển đến cửa hàng mua bán xe mô tô cũ “Diện Loan” tại thôn H, xã Đ, huyện Y và bán chiếc xe mô tô này cho chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện Y với giá 1.000.000 đồng. N và V chia nhau mỗi người được số tiền 500.000 đồng rồi đi về nhà.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/7/2024, sau khi phát hiện thấy tại trang trại của mình bị kẻ gian trộm cắp tài sản thì ông Nguyễn Quang T4 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V sự việc và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm nêu trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện V phối hợp cùng VKSND huyện Vĩnh Tường tiến hành khám nghiệm hiện trường và tổ chức các hoạt động điều tra theo quy định.

Ngày 23/7/2024, T1 nhờ anh Bùi Văn C, sinh năm 1990 ở thôn M, xã T giao nộp 02 con gà (01 con gà trống trọng lượng 2,5 kg, lông màu đỏ- đen, chân màu vàng; 01 con gà mái trọng lượng 02 kg, lông màu đen, chân màu đen trì); chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1990 ở xã Đ, huyện Y giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu sơn nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung: RLHHA0605WY048143 cho Cơ quan điều tra Công an huyện V, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã lập biên bản tạm giữ vật chứng.

Ngày 25/7/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 3283/YC-ĐCSHSKTMT gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đề nghị định giá xác định giá trị tài sản bị trộm cắp là 04 con gà

và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu sơn nâu, không gắn biển kiểm soát để làm căn cứ giải quyết.

Ngày 09/8/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V ra bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTTTHS, kết luận: 04 con gà có giá 1.300.000đ, xe mô tô có giá 3.000.000đ. Tổng giá trị của các tài sản nêu trên là 4.300.000đ.

Cơ quan điều tra đã thông báo cho ông T4, N, V, T1 biết nội dung bản kết luận định giá tài sản nêu trên thì những người này đều đồng ý và không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại bản Cáo trạng số: 132/CT-VKSVT ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Chu Văn V và Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Văn T1 về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Chu Văn V và Lê Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Chu Văn V từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/8/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 10 tháng tù đến 13 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/8/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/8/2024.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Đồng thời yêu cầu xử lý vật chứng của vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, bị cáo khai nhận: Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/7/2024, lợi dụng sơ hở Chu Văn V và Lê Văn N đột nhập vào lán trại chăn nuôi của gia đình ông Nguyễn Quang T4 ở thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trộm cắp 04 con gà có tổng trọng lượng khoảng 10kg và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda-loại Dream, màu sơn nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung: RLHHA0605WY048143, số máy: HA05E-0048114. Sau đó V và N đem số gà và xe mô tô trộm cắp được đến nhà Bùi Văn T1 tại thôn M, xã T, huyện V để bán gà và nhờ cất giấu xe mô tô trên. Mặc dù biết rõ những tài sản trên là do V và N vừa trộm cắp được, nhưng T1 vẫn đồng ý mua 04 con gà với giá 1.100.000đ và cho V và N cất giấu xe mô tô tại nhà ở của T1. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 4.300.000 đồng

[3]. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản thực nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy có đủ cơ sở để xác định Hành vi trộm cắp tài sản của Chu Văn V, Lê Văn N với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 4.300.000 đồng như đã nêu trên đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

Hành vi chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Bùi Văn T1 đã phạm vào tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”

[4]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục phòng ngừa riêng, đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và làm gương cho người khác có ý thức chấp hành pháp luật.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu. Cụ thể: Bị cáo Chu Văn V có 01 tiền án về tội “Tội cướp tài sản” tuy đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; bị cáo Lê Văn N có 01 tiền sự về việc xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền nhưng đến nay chưa nộp phạt, có 01 nhân thân về việc xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo Bùi Văn T1 có 02 tiền án về tội “có ý gây thương tích” và “Có ý làm hư hỏng tài sản” và 03 nhân thân xấu.

[5.2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Chu Văn V và Bùi Văn T1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật Hình sự đó là “Tái phạm” và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là “thành khẩn khai báo”. Bị cáo Lê Văn N được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là “Phạm tội lần đầu” và “thành khẩn khai báo”. Bị cáo N không phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên cần xử phạt bị cáo mức án tù theo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5.3] Về vai trò của từng bị cáo: Xét thấy đây là vụ án có đồng phạm, trong đó Chu Văn V là người rủ rê khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài

sản, Lê Văn N tham gia với vai trò là người thực hành tích cực nên bị cáo Chu Văn V phải chịu hình phạt cao và nghiêm khắc hơn bị cáo N. Bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội độc lập đối với hành vi “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động tự do, không có công việc làm ổn định và không có tài sản riêng vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với 02 con gà không thu hồi được, ông Nguyễn Quang T4 xin tự khắc, không đề nghị V, N và T1 phải bồi thường gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với số tiền 1.000.000 đồng của chị Hoàng Thị L2 đã trả khi mua chiếc xe mô tô mà V và N đã Trộm cắp được của ông T4, chị L2 xin tự khắc phục hậu quả không yêu cầu V và N phải bồi thường. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập, xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 800.000 đồng do V và N bán 04 con gà đã trộm cắp được. Quá trình điều tra, V và N khai nhận đã sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân hết. Do đây là tiền thu lời bất chính từ hành vi phạm tội nên cần truy thu đối với mỗi bị cáo 400.000 để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 300.00 đồng mà T1 còn nợ lại V và N khi thỏa thuận bán 4 con gà chơi do V và Ngọc trộm, đến nay T1 chưa giao nộp lại số tiền trên, do vậy cần tiếp tục truy thu khoản tiền này đối với T1.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với anh Chu Duy Đ1 là người được N nhờ đi cùng đến nhà T1 để đem chiếc xe mô tô do V và N trộm cắp được mang về nhà V. Quá trình điều tra xác định khi N nhờ Đ1 đi cùng đến nhà T1 lấy chiếc xe mô tô trên thì N không nói cho Đ1 biết đây là chiếc xe do V và N trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ1 là phù hợp.

Đối với chị Hoàng Thị L2 là người mua chiếc xe mô tô mà V và N trộm cắp được vào ngày 23/7/2024. Quá trình điều tra xác định chị L2 là người chuyên kinh doanh thu mua xe mô tô cũ, khi bán chiếc xe mô tô trên cho chị L2 thì V và N không nói L2 không biết đây là tài sản do V và N phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị L2 về hành vi “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là phù hợp.

Đối với anh Bùi Văn C - là người được Bùi Văn T1 nhờ đem giao nộp cho Cơ quan Công an 02 con gà (01 con gà trống trọng lượng 2,5 kg, lông màu đỏ-đen, chân màu vàng; 01 con gà mái trọng lượng 02 kg, lông màu đen, chân màu đen trì). Quá trình điều tra xác định khi T1 nhờ anh C, T1 không nói cho anh C biết nguồn gốc 02 con gà trên là do T1 phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C về hành vi đồng phạm với bị cáo T1 là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu sơn nâu, không gắn biển kiểm soát, số khung: RLHHA0605WY048143, số máy: HA05E-0048114. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên có BKS 29H7-4702, đăng ký xe đứng tên anh Nguyễn Minh H2, trú tại số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Ngày 06/8/2014 ông Nguyễn Quang T4 mua lại chiếc xe trên của anh H2 với giá 10.000.000đ, quá trình sử dụng, ông T4 làm mất biển kiểm soát xe mô tô trên nhưng chưa làm thủ tục cấp lại. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với chính quyền phường T, quận H, thành phố Hà Nội nhưng hiện tại anh H2 không cư trú trên địa bàn, do vậy Cơ quan điều tra không làm việc được với anh H2. Tiến hành tra cứu xác định chiếc xe mô tô trên không thuộc vật chứng vụ án. Do vậy chiếc xe mô tô nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T4. Ngày 24/10/2024 Cơ quan điều tra trao trả tài sản trên ông T4 là phù hợp. Ông T4 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

- Đối với 01 con gà trống trọng lượng 2,5 kg, lông màu đỏ-đen, chân màu vàng và 01 con gà mái trọng lượng 02 kg, lông màu đen, chân màu đen do anh Bùi Văn C giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Quang T4. Ngày 24/10/2024 Cơ quan điều tra đã trao trả tài sản là 02 con gà nêu trên cho ông T4 là phù hợp.

- Đối với 01 con gà trống trọng lượng khoảng 03kg, lông màu đỏ-đen, chân màu vàng và 01 con gà mái trọng lượng khoảng 2,5kg lông màu hoa mơ đen-trắng, chân màu xanh của ông Nguyễn Quang T4 bị V và N trộm cắp rồi bán lại cho Bùi Văn T1. Do T1 đã mổ và ăn thịt hết những con gà nêu trên nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen, số khung: RLHH009027Y890235, số máy: HC09E-6712316, không gắn biển kiểm soát tạm giữ của Lê Văn N. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên có chủ

sở hữu là ông Vũ Văn T3, sinh năm 1955, trú tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, ông T3 khai nhận chiếc xe trên của ông T3 bị trộm cắp mất từ năm 2008 đến nay. Đầu năm 2024 do cần phương tiện đi lại, nên N đã mua lại chiếc xe của 01 người không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể trên mạng xã hội. Khi biết được chiếc xe trên là vật chứng trong vụ việc khác thì N xin giao lại cho Cơ quan điều tra giải quyết xử lý theo quy định, đồng thời xin tự khắc phục không có ý kiến gì. Ngày 10/10/2024 Cơ quan điều tra Công an huyện V có Công văn số 1744 thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M biết để tiếp nhận vật chứng này giải quyết theo thẩm quyền nhưng đến nay Cơ quan CSĐT Công an huyện M chưa đến nhận vật chứng trên. Do vậy, Cơ quan điều tra tách ra khỏi hồ sơ vụ án và sẽ bàn giao lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M, thành phố Hà Nội để điều tra xử lý theo quy định.

- Đối với 01 chiếc đèn pin đội đầu và 01 chiếc bao tải xác rắn màu vàng, kích thước khoảng 60cm x 80cm. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc đèn pin và bao tải xác rắn của V và N sử dụng khi trộm cắp tài sản. Sau khi sử dụng chiếc đèn pin xong V mang về ném bỏ tại thùng rác ở đường ngõ trước nhà của V và chiếc bao tải sau khi bán gà cho T1 thì V và N đã bỏ lại chiếc bao tải tại nhà T1. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng chưa thu giữ được. Do vậy, cần tiếp tục điều tra, truy tìm những vật chứng nêu trên, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Chu Văn V, Lê Văn N và Bùi Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Chu Văn V và Lê Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Về điều luật áp dụng và hình phạt chính: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chu Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/8/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/8/2024;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30/8/2024

Về trách nhiệm dân sự: Truy thu của các bị cáo Chu Văn V số tiền 400.000 đồng, bị cáo Lê Văn N số tiền 400.000 đồng và bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 300.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước do hành vi thu lời bất chính mà có.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Chu Văn V, Lê Văn N và Bùi Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Thi hành án HS CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Phòng HS nghiệp vụ công an Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã T;
- Các bị cáo ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải